THPT A Phủ Lý
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 10

Thực hiện từ ngày 19 tháng 01 năm 2026

THỨ	TIẾT	11A1 (Hương H)		11A2 (Đ.Nga)		11A3 (L.Thúy)		11A4 (L.Chính)		11A5 (Hạnh NN)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1	HĐTN - Huyền Lý	GDĐP - N.Phong	HĐTN - N.Huệ	Lí - Quyên Lý	HĐTN - N.Nhâm	Sinh - N.Huệ	HĐTN - Hằng Lí	Hóa - Hải Anh	HĐTN - Hạnh NN	GDĐP - Đ.Hạnh
	2	Sinh - N.Thúy	HĐTN - Huyền Lý	GDĐP - N.Phong	Hóa - Đ.Nga	Hóa - Hải Anh	Sử - N.Bẩy	GDQP-AN - L.Hưng	Toán - L.Chính	Toán - L.Lan	Hóa - Hải Anh
	3	Văn - A.Tuyết		Văn - K.Hợi		GDTC - N.Phong		Lí - Hằng Lí		NNgữ - Hạnh NN	
	4	Hóa - Hương H		Văn - K.Hợi		Lí - P.Anh		Toán - L.Chính		Hóa - Hải Anh	
	5	Lí - Huyền Lý		Toán - L.Chính		Toán - L.Thúy		Văn - A.Tuyết		Văn - K.Hợi	
3	1	Văn - A.Tuyết		Sử - H.Thủy		Hóa - Hải Anh		NNgữ - T.Hà		HĐTN - Hạnh NN	
	2	Văn - A.Tuyết		Lí - Quyên Lý		GDQP-AN - L.Hưng		Tin - K.Huế		Hóa - Hải Anh	
	3	Toán - V.Anh		HĐTN - N.Huệ		Tin - K.Huế		HĐTN - Hằng Lí		Văn - K.Hợi	
	4	NNgữ - D.Linh		GDQP-AN - L.Hưng		NNgữ - T.Hà		Sử - N.Bẩy		Văn - K.Hợi	
	5										
4	1	NNgữ - D.Linh	Sinh - N.Thúy	Sinh - N.Huệ	HĐTN - N.Huệ	Toán - L.Thúy	Toán - L.Thúy	GDTC - N.Phong	Hóa - Hải Anh	Tin - K.Huế	CN - N.Lan
	2	Sử - N.Bẩy	Lí - Huyền Lý	Tin - K.Huế	Sử - H.Thủy	Lí - P.Anh	Hóa - Hải Anh	Hóa - Hải Anh	Sử - N.Bẩy	Lí - Hằng Lí	HĐTN - Hạnh NN
	3	Lí - Huyền Lý	Toán - V.Anh	Lí - Quyên Lý	Sinh - N.Huệ	GDĐP - N.Phong	Sử - N.Bẩy	HĐTN - Hằng Lí	CN - N.Thắm	Toán - L.Lan	NNgữ - Hạnh NN
	4	GDTC - N.Phong		Văn - K.Hợi		Sinh - N.Huệ		Lí - Hằng Lí		NNgữ - Hạnh NN	
	5										
5	1	HĐTN - Huyền Lý		Tin - K.Huế		GDTC - N.Phong		Toán - L.Chính		Toán - L.Lan	
	2	Sử - N.Bẩy		NNgữ - T.Uyên		Văn - N.Nhâm		GDTC - N.Phong		Tin - K.Huế	
	3	Tin - K.Huế		Toán - L.Chính		Văn - N.Nhâm		Văn - A.Tuyết		Lí - Hằng Lí	
	4	GDQP-AN - L.Hưng		GDTC - N.Phong		NNgữ - T.Hà		Văn - A.Tuyết		Sử - V.Anh Sử	
	5										
6	1	Tin - K.Huế	Hóa - Hương H	NNgữ - T.Uyên	Hóa - Đ.Nga	Toán - L.Thúy	Lí - P.Anh	Lí - Hằng Lí	NNgữ - T.Hà	Sử - V.Anh Sử	GDTC - Đ.Hạnh
	2	NNgữ - D.Linh	GDTC - N.Phong	Toán - L.Chính	NNgữ - T.Uyên	Văn - N.Nhâm	NNgữ - T.Hà	CN - N.Thắm	Toán - L.Chính	Lí - Hằng Lí	Toán - L.Lan
	3	Toán - V.Anh	Toán - V.Anh	Hóa - Đ.Nga	Toán - L.Chính	HĐTN - N.Nhâm	HĐTN - N.Nhâm	Tin - K.Huế	GDĐP - N.Phong	GDQP-AN - L.Hưng	CN - N.Lan
	4	Hóa - Hương H		GDTC - N.Phong		Tin - K.Huế		NNgữ - T.Hà		GDTC - Đ.Hạnh	
	5										
7	1										
	2										
	3										
	4										
	5										

THPT A Phủ Lý
Năm học 2025 - 2026
Học kỳ 2

THỜI KHOÁ BIỂU

Số 10

Thực hiện từ ngày 19 tháng 01 năm 2026

THỨ	TIẾT	11A6 (T.Hà)		11A7 (K.Vân)		11A8 (A.Tuyết)		11A9 (K.Hợi)		11A10 (Đ.Mây)	
		Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều	Sáng	Chiều
2	1	HĐTN - T.Hà	Hóa - Phượng H	HĐTN - N.Lan	Toán - P.Quang	HĐTN - H.Ly	Địa - D.Lan	HĐTN - N.Thúy	HĐTN - D.Linh	HĐTN - N.Ngần	Toán - N.Thược
	2	GDĐP - Đ.Hạnh	GDTC - Đ.Hạnh	Toán - P.Quang	NNgữ - D.Linh	Lí - Dung Lý	HĐTN - N.Huệ	Địa - Ngân	Địa - Ngân	CN - N.Lan	Địa - D.Lan
	3	CN - H.Yến		Văn - K.Vân		Toán - L.Thúy		Sử - V.Anh Sử		GDKT-PL - H.Ly	
	4	Tin - K.Huế		NNgữ - D.Linh		HĐTN - N.Huệ		Lí - Huyền Lý		Văn - Đ.Mây	
	5	Văn - N.Nhâm		Hóa - Hải Anh		GDKT-PL - H.Ly		NNgữ - T.Vân		Văn - Đ.Mây	
3	1	GDTC - Đ.Hạnh		GDKT-PL - H.Ly		Sử - N.Bầy		Văn - K.Hợi		Toán - N.Thược	
	2	NNgữ - T.Hà		Toán - P.Quang		GDĐP - Đ.Hạnh		Văn - K.Hợi		GDKT-PL - H.Ly	
	3	Hóa - Phượng H		Văn - K.Vân		Văn - A.Tuyết		HĐTN - D.Linh		NNgữ - Hạnh NN	
	4	Toán - P.Quang		Văn - K.Vân		Văn - A.Tuyết		Toán - V.Anh		HĐTN - N.Huệ	
	5										
4	1	Lí - L.Thu	Toán - P.Quang	Hóa - Hải Anh	Văn - K.Vân	GDTC - Đ.Hạnh	CN - N.Thắm	Văn - K.Hợi	GDTC - Đ.Hạnh	GDQP-AN - L.Hưng	NNgữ - Hạnh NN
	2	GDQP-AN - L.Hưng	Lí - L.Thu	Địa - D.Lan	CN - H.Yến	GDKT-PL - H.Ly	Toán - L.Thúy	Văn - K.Hợi	Toán - V.Anh	Sử - H.Thủy	GDTC - Đ.Hạnh
	3	Sử - V.Anh Sử	Sử - V.Anh Sử	HĐTN - N.Lan	Toán - P.Quang	Toán - L.Thúy	GDTC - Đ.Hạnh	GDKT-PL - H.Ly	CN - N.Lan	HĐTN - N.Huệ	Văn - Đ.Mây
	4	Toán - P.Quang		GDKT-PL - H.Ly		Địa - D.Lan		Địa - Ngân		Lí - Dung Lý	
	5										
5	1	Toán - P.Quang		CN - H.Yến		Văn - A.Tuyết		GDĐP - Đ.Hạnh		Địa - D.Lan	
	2	HĐTN - T.Hà		Sử - H.Thủy		Văn - A.Tuyết		GDQP-AN - L.Hưng		GDĐP - Đ.Hạnh	
	3	Lí - L.Thu		GDĐP - Đ.Hạnh		Sử - N.Bầy		Lí - Huyền Lý		Văn - Đ.Mây	
	4	CN - H.Yến		GDTC - Đ.Hạnh		NNgữ - T.Uyên		GDKT-PL - H.Ly		Toán - P.Quang	
	5										
6	1	NNgữ - T.Hà	Văn - N.Nhâm	NNgữ - D.Linh	Sử - H.Thủy	GDQP-AN - L.Hưng	Địa - D.Lan	GDTC - Đ.Hạnh	CN - N.Lan	Địa - D.Lan	NNgữ - Hạnh NN
	2	Tin - K.Huế	Văn - N.Nhâm	GDQP-AN - L.Hưng	GDTC - Đ.Hạnh	Toán - L.Thúy	Lí - Dung Lý	Toán - V.Anh	Toán - V.Anh	Lí - Dung Lý	Sử - H.Thủy
	3	HĐTN - T.Hà	NNgữ - T.Hà	HĐTN - N.Lan	Địa - D.Lan	NNgữ - T.Uyên	NNgữ - T.Uyên	Sử - V.Anh Sử	NNgữ - T.Vân	GDTC - Đ.Hạnh	Toán - N.Thược
	4	Hóa - Phượng H		Địa - D.Lan		CN - N.Thắm		NNgữ - T.Vân		CN - N.Lan	
	5										
7	1										
	2										
	3										
	4										
	5										